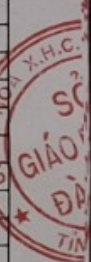


SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NINH  
TRƯỜNG THPT NGUYỄN CHÍ THANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2024-2025

| STT | SBD    | Họ và tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Trường NV1            | Trường NV2             | Trường NV3             | TBC 4 năm THCS | Điểm Ưu tiên | Diện Ưu tiên | Điểm thi môn Ngữ văn | Điểm thi môn Toán | Điểm thi Tiếng Anh | Điểm xét tuyển | NV trúng tuyển | Trúng tuyển vào trường |
|-----|--------|-----------------------|-----------|------------|-----------------------|------------------------|------------------------|----------------|--------------|--------------|----------------------|-------------------|--------------------|----------------|----------------|------------------------|
| 1   | 110137 | NGUYỄN MINH HIẾU      | Nam       | 10/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 9.20           | 0.00         |              | 8.25                 | 7.75              | 9.75               | 20.78          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 2   | 110286 | LÂM HAI               | Nữ        | 29/05/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 9.55           | 0.00         |              | 7.25                 | 8.00              | 9.75               | 20.37          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 3   | 100522 | LÊ NGUYỄN BÍCH TRÂM   | Nữ        | 09/02/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.95           | 0.00         |              | 8.25                 | 8.00              | 9.00               | 20.36          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 4   | 110273 | ĐẶNG THỊ KIM NGÂN     | Nữ        | 21/05/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 9.38           | 0.00         |              | 7.75                 | 8.00              | 9.00               | 20.14          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 5   | 080345 | HUYNH QUỐC THĂNG      | Nam       | 30/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Ngô Gia Tự        |                        | 9.28           | 0.00         |              | 7.75                 | 8.00              | 8.75               | 19.93          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 6   | 110265 | TRẦN TRẦN MỸ          | Nữ        | 28/02/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Huỳnh Thúc Kháng  | 9.45           | 0.00         |              | 7.00                 | 7.75              | 9.50               | 19.81          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 7   | 110555 | ĐẶNG QUỐC VINH        | Nam       | 25/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.98           | 0.00         |              | 6.25                 | 8.00              | 9.75               | 19.49          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 8   | 110012 | LÊ NGỌC LAN ANH       | Nữ        | 16/03/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 9.03           | 0.00         |              | 7.75                 | 7.50              | 8.25               | 19.16          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 9   | 110481 | NGUYỄN THỊ MỸ TIỀN    | Nữ        | 20/03/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.10           | 0.00         |              | 7.25                 | 7.00              | 9.50               | 19.06          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 10  | 100629 | PHẠM THỊ NGỌC YẾN     | Nữ        | 03/11/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Dương Minh Châu   | 8.90           | 0.00         |              | 8.25                 | 6.00              | 9.00               | 18.94          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 11  | 110572 | NGUYỄN NGỌC THỦY VY   | Nữ        | 09/06/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 9.60           | 0.00         |              | 7.50                 | 7.50              | 7.50               | 18.63          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 12  | 100330 | TRẦN LÂM BAO NHI      | Nữ        | 24/05/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.93           | 0.00         |              | 6.25                 | 8.00              | 8.50               | 18.60          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 13  | 110196 | TRẦN NGỌC KIỀU KHANH  | Nữ        | 25/04/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 9.45           | 0.00         |              | 7.25                 | 7.50              | 7.75               | 18.58          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 14  | 110175 | LÊ THỊ MỸ HƯỜNG       | Nữ        | 08/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 8.78           | 0.00         |              | 7.50                 | 6.50              | 8.75               | 18.56          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 15  | 110371 | LÊ HUYNH TRONG PHÚC   | Nam       | 21/12/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 9.35           | 0.00         |              | 5.75                 | 8.00              | 8.75               | 18.56          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 16  | 120556 | NGUYỄN TRI            | Nam       | 15/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.25           | 0.00         |              | 8.50                 | 5.75              | 8.25               | 18.23          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 17  | 100051 | NGUYỄN NGỌC KIM CƯỜNG | Nữ        | 28/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 9.18           | 0.00         |              | 7.75                 | 8.00              | 6.25               | 18.15          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 18  | 110340 | ĐÀM NGỌC NHƯ          | Nữ        | 21/04/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.73           | 1.00         | DT           | 6.00                 | 8.00              | 6.50               | 17.97          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 19  | 110581 | PHẠM VŨ PHƯƠNG VY     | Nữ        | 13/06/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Huỳnh Thúc Kháng  | 9.35           | 0.00         |              | 7.00                 | 6.00              | 8.50               | 17.86          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 20  | 100323 | NGUYỄN HUYNH THAO NHI | Nữ        | 20/08/2008 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 8.68           | 0.00         |              | 6.50                 | 7.00              | 8.25               | 17.83          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 21  | 110056 | MAI NGỌC MINH CHÂU    | Nữ        | 10/12/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.65           | 0.00         |              | 5.00                 | 7.00              | 9.75               | 17.82          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 22  | 110229 | NGUYỄN NGỌC THỦY LINH | Nữ        | 02/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.65           | 0.00         |              | 7.00                 | 8.00              | 6.75               | 17.82          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 23  | 290349 | LÊ VŨNG ANH THƯ       | Nữ        | 11/12/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Hoàng Văn Thụ     | THPT Huỳnh Thúc Kháng  | 8.58           | 0.00         |              | 7.25                 | 8.00              | 6.50               | 17.80          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 24  | 110566 | LÊ THỦY VY            | Nữ        | 17/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 9.05           | 0.00         |              | 7.00                 | 8.00              | 6.50               | 17.77          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 25  | 110367 | NGUYỄN MINH PHÚ       | Nam       | 01/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 9.43           | 0.00         |              | 7.00                 | 7.75              | 6.50               | 17.70          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 26  | 110149 | PHẠM MANH HÙNG        | Nam       | 24/02/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 9.15           | 0.00         |              | 7.75                 | 7.75              | 5.75               | 17.62          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 27  | 080492 | ĐÀO THỊ CẨM YẾN       | Nữ        | 22/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Ngô Gia Tự        | THPT Nguyễn Huệ        | 8.88           | 0.00         |              | 7.25                 | 7.25              | 6.75               | 17.54          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 28  | 110523 | MAI HỒNG TRÚC         | Nữ        | 09/06/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 9.15           | 0.00         |              | 8.00                 | 5.50              | 7.50               | 17.44          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 29  | 110179 | CHÂU LÊ VY KHANG      | Nam       | 11/06/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 8.98           | 0.00         |              | 7.50                 | 7.50              | 6.00               | 17.39          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 30  | 110494 | VŨ NGỌC YẾN TRANG     | Nữ        | 09/03/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.98           | 0.00         |              | 7.50                 | 6.25              | 7.25               | 17.39          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 31  | 100201 | NGUYỄN THỊ NGỌC KIỀU  | Nữ        | 15/02/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 8.25           | 0.00         |              | 7.50                 | 6.00              | 7.75               | 17.35          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 32  | 110589 | TÔ MỸ XUÂN            | Nữ        | 03/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 9.43           | 0.00         |              | 7.00                 | 5.75              | 8.00               | 17.35          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 33  | 080205 | NGUYỄN HOANG BAO NAM  | Nam       | 09/12/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Ngô Gia Tự        |                        | 8.93           | 0.00         |              | 5.50                 | 8.00              | 7.25               | 17.20          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 34  | 100036 | NGUYỄN THAI THIÊN BẢO | Nam       | 13/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.58           | 0.00         |              | 8.25                 | 6.00              | 6.50               | 17.10          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 35  | 100177 | NGUYỄN MINH KHANG     | Nam       | 05/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 7.43           | 0.00         |              | 5.25                 | 7.25              | 8.75               | 17.10          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 36  | 110506 | TRẦN CAO MỸ TRÂM      | Nữ        | 13/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Hoàng Văn Thụ     | 8.75           | 1.00         | CMDT         | 6.25                 | 6.00              | 6.75               | 16.92          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 37  | 110104 | TRẦN NGỌC ĐIẾP        | Nữ        | 03/02/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.98           | 0.00         |              | 6.50                 | 6.50              | 7.25               | 16.87          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 38  | 080153 | NGUYỄN TRẦN ĐĂNG KHOA | Nam       | 24/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Ngô Gia Tự        | THPT Nguyễn Huệ        | 8.30           | 0.00         |              | 7.00                 | 8.00              | 5.50               | 16.84          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 39  | 110338 | TRẦN THỊ CẨM NHUNG    | Nữ        | 04/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.88           | 0.00         |              | 8.25                 | 6.50              | 5.50               | 16.84          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |



| STT | SBD    | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Trường NV1            | Trường NV2             | Trường NV3             | TBC 4 năm THCS | Điểm Ưu tiên | Diện Ưu tiên | Điểm thi môn Ngữ văn | Điểm thi môn Toán | Điểm thi Tiếng Anh | Điểm xét tuyển | NV trúng tuyển | Trúng tuyển vào trường |
|-----|--------|------------------------|-----------|------------|-----------------------|------------------------|------------------------|----------------|--------------|--------------|----------------------|-------------------|--------------------|----------------|----------------|------------------------|
| 40  | 110037 | NGUYỄN GIA BẢO         | Nam       | 20/06/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 9.38           | 0.00         |              | 7.50                 | 7.00              | 5.50               | 16.81          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 41  | 110092 | LÊ QUỐC ĐẠT            | Nam       | 26/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.15           | 0.00         |              | 5.25                 | 6.50              | 8.75               | 16.79          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 42  | 110122 | HUỶNH NGỌC GIA HÂN     | Nữ        | 18/12/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 8.68           | 0.00         |              | 6.00                 | 7.75              | 6.50               | 16.78          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 43  | 110191 | PHAN NGUYỄN PHÚC KHANG | Nam       | 01/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.68           | 0.00         |              | 7.00                 | 7.00              | 6.25               | 16.78          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 44  | 110419 | HUỶNH THANH THÁI       | Nam       | 13/12/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 8.70           | 0.00         |              | 5.25                 | 6.75              | 8.25               | 16.78          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 45  | 100013 | HUỶNH ĐÀO TUẤN ANH     | Nam       | 25/05/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Dương Minh Châu   | 8.03           | 0.00         |              | 6.00                 | 7.75              | 6.75               | 16.76          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 46  | 110121 | HUỶNH GIA HÂN          | Nữ        | 05/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Hoàng Văn Thụ     | 8.48           | 0.00         |              | 6.50                 | 5.75              | 8.00               | 16.72          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 47  | 110401 | LÊ HOÀNG SANG          | Nam       | 28/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.40           | 0.00         |              | 7.50                 | 5.50              | 7.25               | 16.69          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 48  | 080342 | NGUYỄN THANH THẢO      | Nữ        | 20/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.15           | 0.00         |              | 7.50                 | 6.25              | 6.50               | 16.62          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 49  | 110071 | LÊ ANH DUY             | Nam       | 15/05/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 7.98           | 0.00         |              | 5.50                 | 6.25              | 8.50               | 16.57          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 50  | 110263 | TRẦN LÊ ĐIỂM MY        | Nữ        | 14/02/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 9.13           | 0.00         |              | 5.75                 | 7.50              | 6.50               | 16.56          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 51  | 100516 | LÊ THUY TRANG          | Nữ        | 27/03/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 8.43           | 0.00         |              | 7.75                 | 6.00              | 6.25               | 16.53          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 52  | 100460 | LƯƠNG NHẬT THIÊN       | Nam       | 25/11/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 7.83           | 0.00         |              | 6.00                 | 5.50              | 8.75               | 16.52          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 53  | 100191 | PHẠM ĐĂNG KHOA         | Nam       | 01/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 7.75           | 0.00         |              | 8.00                 | 6.00              | 6.25               | 16.50          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 54  | 110268 | DƯƠNG HAO NAM          | Nam       | 10/04/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Nguyễn Huệ        | 8.75           | 0.00         |              | 7.25                 | 6.25              | 6.25               | 16.45          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 55  | 110482 | TRẦN THỊ ANH TIỀN      | Nữ        | 05/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.68           | 0.00         |              | 7.00                 | 7.00              | 5.75               | 16.43          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 56  | 120606 | TRẦN THUY VŨ           | Nữ        | 25/03/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.95           | 0.00         |              | 8.25                 | 5.75              | 6.00               | 16.38          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 57  | 100448 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO | Nữ        | 04/04/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.98           | 0.00         |              | 8.50                 | 6.25              | 4.75               | 16.34          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 58  | 110097 | NGUYỄN VĂN PHÁT ĐẠT    | Nam       | 29/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.13           | 0.00         |              | 5.25                 | 8.00              | 6.50               | 16.26          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 59  | 110382 | TRẦN THỊ KIM PHƯỢNG    | Nữ        | 26/02/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Hoàng Văn Thụ     | 9.28           | 0.00         |              | 6.50                 | 8.00              | 4.75               | 16.26          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 60  | 100384 | NGUYỄN HUỶNH BẢO PHÚC  | Nam       | 09/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 7.78           | 0.00         |              | 6.00                 | 7.00              | 6.75               | 16.16          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 61  | 100172 | LÊ HIẾU BẢO KHANG      | Nam       | 03/05/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 8.23           | 0.00         |              | 7.25                 | 6.00              | 6.25               | 16.12          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 62  | 100108 | NGUYỄN THỊ THANH HÁ    | Nữ        | 17/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.68           | 0.00         |              | 5.75                 | 8.00              | 5.50               | 16.08          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 63  | 110096 | NGUYỄN THÀNH ĐẠT       | Nam       | 24/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 8.00           | 0.00         |              | 6.50                 | 6.25              | 6.75               | 16.05          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 64  | 080274 | NGUYỄN KHÁNH NHƯ       | Nữ        | 22/05/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 9.13           | 0.00         |              | 5.50                 | 6.00              | 7.50               | 16.04          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 65  | 110299 | CAO BẢO NGỌC           | Nữ        | 06/02/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.53           | 0.00         |              | 5.75                 | 6.75              | 6.50               | 15.86          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 66  | 100452 | PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO   | Nữ        | 08/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.88           | 0.00         |              | 5.00                 | 5.75              | 8.00               | 15.79          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 67  | 110288 | NGUYỄN NGỌC BẢO NGHI   | Nữ        | 18/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.28           | 0.00         |              | 6.75                 | 6.50              | 5.75               | 15.78          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 68  | 110378 | NGUYỄN NGỌC PHƯỚC      | Nam       | 24/03/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.10           | 0.00         |              | 4.75                 | 5.50              | 8.75               | 15.73          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 69  | 100430 | PHẠM NHƯ TÂM           | Nữ        | 09/06/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.65           | 0.00         |              | 8.25                 | 6.50              | 4.00               | 15.72          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 70  | 110245 | VŨ HUỶNH MAI           | Nữ        | 04/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.65           | 0.00         |              | 6.25                 | 6.50              | 6.00               | 15.72          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 71  | 100034 | NGUYỄN HOÀI BẢO        | Nam       | 04/04/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Nguyễn Huệ        | 8.03           | 0.00         |              | 5.75                 | 5.00              | 8.25               | 15.71          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 72  | 100322 | NGUYỄN BẢO NHÌ         | Nữ        | 02/05/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.63           | 0.00         |              | 7.25                 | 4.50              | 7.00               | 15.71          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 73  | 110284 | TRẦN THỊ HUỶNH NGÂN    | Nữ        | 08/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.60           | 0.00         |              | 7.00                 | 6.00              | 5.75               | 15.71          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 74  | 120166 | NGUYỄN HUỶNH GIA HUY   | Nam       | 18/03/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.58           | 0.00         |              | 6.25                 | 6.75              | 5.75               | 15.70          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 75  | 110033 | LÊ HỒNG ẮN             | Nam       | 09/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 9.13           | 0.00         |              | 6.25                 | 6.50              | 5.75               | 15.69          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 76  | 110111 | NGUYỄN NHẬT HA         | Nữ        | 06/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.53           | 0.00         |              | 6.50                 | 5.75              | 6.50               | 15.68          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 77  | 100415 | TRẦN NHƯ QUỲNH         | Nữ        | 16/12/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.35           | 0.00         |              | 7.50                 | 5.50              | 5.75               | 15.63          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 78  | 100525 | NGUYỄN VŨ KIỀU TRÂM    | Nữ        | 12/03/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.35           | 0.00         |              | 5.75                 | 8.00              | 5.00               | 15.63          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 79  | 120575 | NGUYỄN QUỐC TRUNG      | Nam       | 18/08/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.35           | 0.00         |              | 5.25                 | 8.00              | 5.50               | 15.63          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 80  | 120203 | TRẦN PHÚC KHANG        | Nam       | 08/07/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.30           | 0.00         |              | 7.00                 | 6.25              | 5.50               | 15.62          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 81  | 100230 | TÔ THỊ PHƯƠNG LOAN     | Nữ        | 25/05/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.85           | 0.00         |              | 5.25                 | 8.00              | 5.25               | 15.61          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 82  | 100593 | NGUYỄN NGỌC THẢO VY    | Nữ        | 10/06/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.83           | 0.00         |              | 4.75                 | 6.25              | 7.50               | 15.60          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |

| STT | SBD    | Họ và tên                | Giới tính | Ngày sinh  | Trường NV1            | Trường NV2             | Trường NV3             | TBC 4 năm THCS | Điểm Ưu tiên | Diện Ưu tiên | Điểm thi môn Ngữ văn | Điểm thi môn Toán | Điểm thi Tiếng Anh | Điểm xét tuyển | NV trúng tuyển | Trúng tuyển vào trường |
|-----|--------|--------------------------|-----------|------------|-----------------------|------------------------|------------------------|----------------|--------------|--------------|----------------------|-------------------|--------------------|----------------|----------------|------------------------|
| 83  | 110356 | LÂM THUẬN PHAT           | Nam       | 21/04/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.25           | 0.00         |              | 5.25                 | 8.00              | 5.50               | 15.60          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 84  | 120420 | NGUYỄN YẾN PHƯƠNG        | Nữ        | 10/12/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Lê Quý Đôn        | 7.68           | 0.00         |              | 5.25                 | 5.75              | 8.00               | 15.60          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 85  | 100345 | NGUYỄN THỊ BẢO NHƯ       | Nữ        | 24/11/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 8.23           | 0.00         |              | 7.50                 | 5.75              | 5.50               | 15.59          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 86  | 120288 | PHAN HUYNH HUYỀN MY      | Nữ        | 14/01/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.73           | 0.00         |              | 6.50                 | 6.50              | 5.50               | 15.57          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 87  | 120377 | NGUYỄN TRẦN TỎ NHƯ       | Nữ        | 17/09/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.15           | 0.00         |              | 7.75                 | 6.75              | 4.25               | 15.57          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 88  | 110438 | TRẦN THUẬN THIÊN         | Nam       | 05/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.10           | 0.00         |              | 6.25                 | 6.25              | 6.25               | 15.56          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 89  | 010534 | LÊ QUỲNH NHƯ             | Nữ        | 29/04/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.65           | 0            |              | 6.25                 | 6.25              | 6                  | 15.54          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 90  | 010012 | ĐẶNG PHƯƠNG ANH          | Nữ        | 02/05/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 9.2            | 0            |              | 5.75                 | 6.25              | 6.25               | 15.53          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 91  | 080421 | TRƯƠNG NGỌC TRẦN         | Nữ        | 06/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Ngô Gia Tự        | THPT Nguyễn Huệ        | 8.03           | 0.00         |              | 6.25                 | 6.25              | 6.25               | 15.53          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 92  | 100114 | NGUYỄN NHẬT HẢO          | Nam       | 28/09/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.98           | 0.00         |              | 6.50                 | 6.50              | 5.75               | 15.52          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 93  | 120011 | TRẦN GIA AN              | Nam       | 21/11/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.53           | 1.00         | DT           | 7.25                 | 6.75              | 3.50               | 15.51          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 94  | 100422 | NGUYỄN MINH SANG         | Nam       | 26/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.50           | 0.00         |              | 6.50                 | 5.75              | 6.25               | 15.50          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 95  | 110169 | NGUYỄN GIA HUNG          | Nam       | 11/03/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 9.08           | 0.00         |              | 5.50                 | 6.75              | 6.00               | 15.50          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 96  | 120048 | NGUYỄN KIM BẢO           | Nam       | 09/03/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.90           | 0.00         |              | 7.75                 | 6.75              | 4.25               | 15.50          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 97  | 100463 | NGUYỄN HOÀNG THỊNH       | Nam       | 07/09/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Lê Quý Đôn        | 8.85           | 0.00         |              | 5.33                 | 7.25              | 5.75               | 15.49          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 98  | 120544 | NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM     | Nữ        | 19/05/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.48           | 0.00         |              | 6.25                 | 6.50              | 5.75               | 15.49          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 99  | 100074 | BÙI BẢO KÝ DUYỀN         | Nữ        | 04/09/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.45           | 0.00         |              | 8.25                 | 6.00              | 4.25               | 15.48          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 100 | 100097 | NGÔ LÊ NGỌC DIỆP         | Nữ        | 02/01/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 9.00           | 0.00         |              | 7.00                 | 7.50              | 3.75               | 15.48          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 101 | 100211 | PHAN THỊ TƯỜNG LAM       | Nam       | 18/10/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.45           | 0.00         |              | 7.25                 | 5.75              | 5.50               | 15.48          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 102 | 120619 | NGUYỄN HUYNH TƯỜNG VY    | Nữ        | 21/09/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.85           | 0.00         |              | 6.00                 | 7.25              | 5.50               | 15.48          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 103 | 110312 | VÔ THỊ MỸ NGỌC           | Nữ        | 28/04/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.95           | 0.00         |              | 5.75                 | 5.75              | 6.75               | 15.46          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 104 | 120188 | HUYNH MINH KHANG         | Nam       | 06/12/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Lê Quý Đôn        | 7.15           | 0.00         |              | 6.00                 | 6.00              | 7.00               | 15.45          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 105 | 110223 | DƯƠNG THỊ TRÚC LAM       | Nữ        | 01/10/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 9.23           | 0.00         |              | 6.10                 | 6.75              | 5.25               | 15.44          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 106 | 150233 | HUYNH TUYẾT NHƯ          | Nữ        | 15/12/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Tân Châu          | 7.73           | 0.00         |              | 5.75                 | 4.75              | 8.25               | 15.44          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 107 | 120197 | NGUYỄN VÔ PHÚ KHANG      | Nam       | 06/03/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.10           | 0.00         |              | 4.25                 | 7.25              | 7.50               | 15.43          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 108 | 110432 | NGUYỄN THỊ HỒNG THAM     | Nữ        | 28/04/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 8.78           | 0.00         |              | 8.00                 | 5.75              | 4.50               | 15.41          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 109 | 120627 | PHAM HOÀNG YẾN VY        | Nữ        | 02/05/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Lê Quý Đôn        | 8.68           | 0.00         |              | 7.75                 | 6.00              | 4.50               | 15.38          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 110 | 110389 | LƯU MỸ QUYÊN             | Nữ        | 07/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh |                        |                        | 8.05           | 0.00         |              | 5.75                 | 6.00              | 6.75               | 15.37          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 111 | 050142 | NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG     | Nữ        | 13/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Dương Minh Châu   | 8.63           | 0.00         |              | 5.00                 | 7.50              | 5.75               | 15.36          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 112 | 100153 | NGUYỄN LÊ THỊ TRÚC HUYỀN | Nữ        | 30/04/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.03           | 0.00         |              | 4.50                 | 8.00              | 6.00               | 15.36          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 113 | 120045 | LÊ VĂN GIA BẢO           | Nam       | 26/04/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.60           | 0.00         |              | 6.25                 | 4.75              | 7.25               | 15.36          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 114 | 120629 | PHAM NGUYỄN TRÚC VY      | Nữ        | 02/07/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Lê Quý Đôn        | 8.60           | 0.00         |              | 5.50                 | 6.75              | 6.00               | 15.36          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 115 | 080269 | VÔ THỊ HỒNG NHUNG        | Nữ        | 17/03/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Ngô Gia Tự        | THPT Nguyễn Huệ        | 8.58           | 0.00         |              | 6.50                 | 5.75              | 6.00               | 15.35          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 116 | 100523 | NGUYỄN NGỌC TRÂM         | Nữ        | 03/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 9.13           | 0.00         |              | 5.00                 | 6.50              | 6.50               | 15.34          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 117 | 100588 | NGUYỄN HOÀNG YẾN VY      | Nữ        | 04/09/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.93           | 0.00         |              | 5.25                 | 5.25              | 8.00               | 15.33          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 118 | 120066 | NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆM     | Nữ        | 10/08/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.90           | 0.00         |              | 6.25                 | 5.75              | 6.50               | 15.32          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 119 | 110437 | TRẦN NGỌC YẾN THI        | Nữ        | 20/02/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.45           | 0.00         |              | 4.25                 | 7.50              | 6.50               | 15.31          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 120 | 080165 | NGUYỄN TRẦN THƯ KÝ       | Nữ        | 27/02/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Ngô Gia Tự        |                        | 9.00           | 0.00         |              | 5.75                 | 6.25              | 6.00               | 15.30          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 121 | 110009 | HỒ LÊ TRÂM ANH           | Nữ        | 24/06/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.23           | 0.00         |              | 7.58                 | 3.75              | 7.00               | 15.30          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 122 | 110287 | LÊ NGỌC NGHỊ             | Nữ        | 20/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 9.00           | 0.00         |              | 7.75                 | 4.00              | 6.25               | 15.30          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 123 | 120475 | NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG THẢO  | Nữ        | 02/07/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Lê Quý Đôn        | 7.85           | 0.00         |              | 5.50                 | 6.50              | 6.50               | 15.30          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 124 | 110561 | NGUYỄN MAI NGỌC VŨNG     | Nữ        | 23/03/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Huỳnh Thúc Kháng  | 8.98           | 0.00         |              | 6.25                 | 7.75              | 4.00               | 15.29          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 125 | 010723 | ĐỖ ĐỨC TIỀN              | Nam       | 09/09/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Trần Đại Nghĩa    | 8.33           | 0            |              | 4.75                 | 6.25              | 7.25               | 15.27          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |

| STT | SBD    | Họ và tên               | Giới tính | Ngày sinh  | Trường NV1            | Trường NV2             | Trường NV3             | TBC 4 năm THCS | Điểm Ưu tiên | Diện Ưu tiên | Điểm thi môn Ngữ văn | Điểm thi môn Toán | Điểm thi Tiếng Anh | Điểm xét tuyển | NV trúng tuyển | Trúng tuyển vào trường |
|-----|--------|-------------------------|-----------|------------|-----------------------|------------------------|------------------------|----------------|--------------|--------------|----------------------|-------------------|--------------------|----------------|----------------|------------------------|
| 126 | 120034 | VÕ NGUYỄN BẢO ANH       | Nam       | 30/01/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.70           | 0.00         |              | 6.50                 | 5.25              | 6.75               | 15.26          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 127 | 110007 | TRƯƠNG TÂN AN           | Nam       | 04/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.83           | 0.00         |              | 6.50                 | 4.00              | 7.50               | 15.25          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 128 | 120277 | NGUYỄN TUẤN MINH        | Nam       | 29/07/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.25           | 0.00         |              | 6.75                 | 7.50              | 4.00               | 15.25          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 129 | 080263 | NGUYỄN THỊ YẾN NHI      | Nữ        | 16/04/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Ngô Gia Tự        | 8.80           | 0.00         |              | 4.75                 | 7.25              | 6.00               | 15.24          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 130 | 120617 | NGUYỄN CHÂU THÚY VY     | Nữ        | 12/11/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.23           | 0.00         |              | 6.25                 | 7.50              | 4.50               | 15.24          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 131 | 110596 | PHAN NHƯ Ý              | Nữ        | 22/06/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.75           | 0.00         |              | 5.25                 | 4.50              | 8.25               | 15.22          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 132 | 110405 | MAI PHƯỚC SƠN           | Nam       | 09/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.08           | 0.00         |              | 8.00                 | 6.00              | 4.25               | 15.20          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 133 | 010369 | TRẦN NGỌC LONG          | Nam       | 11/02/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.85           | 0            |              | 3.83                 | 6.5               | 8                  | 15.19          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 134 | 120049 | PHẠM NGUYỄN GIA BẢO     | Nam       | 02/01/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 9.18           | 0.00         |              | 7.00                 | 3.75              | 7.00               | 15.18          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 135 | 120479 | NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG THẢO | Nữ        | 09/09/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.43           | 0.00         |              | 4.50                 | 6.25              | 7.75               | 15.18          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 136 | 110323 | NGUYỄN TRỌNG NHÂN       | Nam       | 28/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 7.95           | 0.00         |              | 7.00                 | 6.00              | 5.25               | 15.16          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 137 | 100575 | NGUYỄN THU VÂN          | Nữ        | 19/03/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.93           | 0.00         |              | 5.50                 | 5.75              | 7.00               | 15.15          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 138 | 120561 | NGUYỄN TRẦN MINH TRIẾT  | Nam       | 12/06/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.35           | 0.00         |              | 5.50                 | 7.00              | 6.00               | 15.15          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 139 | 110153 | HÀ QUỐC HUY             | Nam       | 24/01/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.85           | 0.00         |              | 7.50                 | 6.75              | 4.00               | 15.13          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 140 | 110602 | NGUYỄN THỊ NGỌC YẾN     | Nữ        | 29/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.98           | 0.00         |              | 5.25                 | 7.00              | 5.50               | 15.12          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 141 | 120303 | CHÂU BẢO NGÂN           | Nữ        | 19/08/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.40           | 0.00         |              | 6.00                 | 5.50              | 6.50               | 15.12          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 142 | 120417 | HUỶNH ANH MAI PHƯƠNG    | Nữ        | 28/04/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Lê Quý Đôn        | 8.40           | 0.00         |              | 7.50                 | 4.25              | 6.25               | 15.12          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 143 | 080482 | TRƯƠNG HUỶNH TRIỆU VY   | Nữ        | 12/06/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Ngô Gia Tự        | THPT Nguyễn Huệ        | 8.35           | 0.00         |              | 6.50                 | 6.50              | 5.00               | 15.11          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 144 | 120109 | CHÂU KHÁNH HÀ           | Nữ        | 26/07/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Lê Quý Đôn        | 7.78           | 0.00         |              | 6.75                 | 6.25              | 5.25               | 15.11          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 145 | 290397 | TRẦN THANH TRÚC         | Nữ        | 10/06/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Huỳnh Thúc Kháng  | THPT Nguyễn Huệ        | 8.93           | 0.00         |              | 7.00                 | 6.00              | 4.75               | 15.10          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 146 | 100206 | TRƯƠNG GIA KỶ           | Nam       | 28/12/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Hoàng Văn Thu     | 8.30           | 0.00         |              | 7.75                 | 4.00              | 6.25               | 15.09          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 147 | 100147 | NGUYỄN PHẠM ANH HUY     | Nam       | 08/12/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 8.80           | 0.00         |              | 7.50                 | 6.25              | 4.00               | 15.07          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 148 | 100548 | NGUYỄN THỊ THANH TRÚC   | Nữ        | 07/04/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.78           | 0.00         |              | 7.00                 | 3.25              | 7.50               | 15.06          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 149 | 080488 | NGUYỄN THỊ NHƯ Ý        | Nữ        | 16/07/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Ngô Gia Tự        | 8.75           | 0.00         |              | 5.25                 | 6.00              | 6.50               | 15.05          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 150 | 110258 | NGUYỄN NGỌC KHÔI MY     | Nữ        | 01/01/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.73           | 0.00         |              | 5.75                 | 7.00              | 5.00               | 15.04          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 151 | 110551 | LÊ TIẾN VĨ              | Nam       | 16/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.15           | 0.00         |              | 5.50                 | 4.75              | 7.75               | 15.04          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 152 | 100510 | TRẦN THIÊN TOÀN         | Nam       | 28/10/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.65           | 0.00         |              | 6.75                 | 5.50              | 5.50               | 15.02          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 153 | 100364 | TRÀ TÂN PHÁT            | Nam       | 11/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.63           | 0.00         |              | 4.50                 | 6.00              | 7.25               | 15.01          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 154 | 110468 | NGUYỄN THỊ ANH THƯ      | Nữ        | 08/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.03           | 0.00         |              | 5.00                 | 8.00              | 5.00               | 15.01          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 155 | 100069 | HUỶNH THANH DUY         | Nam       | 25/06/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.58           | 0.00         |              | 7.00                 | 6.25              | 4.50               | 15.00          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 156 | 120120 | VÕ NGUYỄN MỸ HÀNG       | Nữ        | 31/08/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.58           | 0.00         |              | 7.25                 | 6.25              | 4.25               | 15.00          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 157 | 120419 | LÊ NGỌC TRÚC PHƯƠNG     | Nữ        | 26/10/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Lê Quý Đôn        | 7.93           | 0.00         |              | 6.75                 | 5.50              | 5.75               | 14.98          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 158 | 010110 | PHẠM HUỶNH NGỌC DIỆP    | Nữ        | 02/04/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 9.05           | 0            |              | 4.75                 | 7.25              | 5.5                | 14.97          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 159 | 050228 | NGUYỄN THỊ SƯƠNG MAI    | Nữ        | 27/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Thái Bình  | 8.38           | 0.00         |              | 8.75                 | 5.50              | 3.50               | 14.94          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 160 | 120509 | LÊ MINH THƯ             | Nữ        | 18/01/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.95           | 0.00         |              | 7.50                 | 5.25              | 4.75               | 14.93          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 161 | 080057 | VÕ VĂN DƯƠNG            | Nam       | 22/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Ngô Gia Tự        | THPT Nguyễn Văn Trỗi   | 8.90           | 0.00         |              | 5.00                 | 6.75              | 5.75               | 14.92          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 162 | 100198 | ĐOÀN NGUYỄN ANH KIẾT    | Nam       | 11/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.33           | 0.00         |              | 5.50                 | 6.50              | 5.75               | 14.92          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 163 | 080279 | TRẦN THUY ANH NHƯ       | Nữ        | 09/06/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Ngô Gia Tự        | THPT Nguyễn Trung Trực | 9.45           | 0.00         |              | 5.50                 | 5.75              | 6.00               | 14.91          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 164 | 020043 | TRẦN MAI ANH            | Nữ        | 15/02/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.25           | 0.00         |              | 5.75                 | 6.00              | 6.00               | 14.90          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 165 | 110127 | NGÔ THỊ NGỌC HÂN        | Nữ        | 26/11/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.83           | 0.00         |              | 4.50                 | 6.50              | 6.50               | 14.90          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 166 | 110365 | LÊ TÂN PHONG            | Nam       | 13/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.25           | 0.00         |              | 5.50                 | 7.50              | 4.75               | 14.90          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 167 | 080397 | ĐẶNG NGỌC TRÂM          | Nữ        | 18/01/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Ngô Gia Tự        | 8.78           | 0.00         |              | 4.50                 | 8.00              | 5.00               | 14.88          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 168 | 110428 | NGUYỄN THỊ KIM THẢO     | Nữ        | 10/05/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.20           | 0.00         |              | 7.25                 | 5.50              | 5.00               | 14.88          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |

| STT | SBD    | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Trường NV1            | Trường NV2             | Trường NV3             | TBC 4 năm THCS | Điểm Ưu tiên | Diện Ưu tiên | Điểm thi môn Ngữ văn | Điểm thi môn Toán | Điểm thi Tiếng Anh | Điểm xét tuyển | NV trúng tuyển | Trúng tuyển vào trường |
|-----|--------|------------------------|-----------|------------|-----------------------|------------------------|------------------------|----------------|--------------|--------------|----------------------|-------------------|--------------------|----------------|----------------|------------------------|
| 169 | 110491 | PHAN QUỐC TÔNG         | Nam       | 18/06/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.75           | 0.00         |              | 6.50                 | 6.50              | 4.50               | 14.88          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 170 | 100090 | VÕ TUẤN ĐẠT            | Nam       | 21/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 6.98           | 0.00         |              | 6.00                 | 3.75              | 8.50               | 14.87          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 171 | 050491 | NGUYỄN LÊ MINH TRUNG   | Nam       | 06/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Dương Minh Châu   |                        | 8.05           | 0.00         |              | 6.75                 | 6.00              | 5.00               | 14.84          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 172 | 100295 | NGUYỄN BẢO NGỌC        | Nữ        | 01/01/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.65           | 0.00         |              | 6.75                 | 5.50              | 5.25               | 14.84          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 173 | 110327 | ĐỖ THỊ NGỌC NHI        | Nữ        | 21/01/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 9.23           | 0.00         |              | 5.75                 | 8.00              | 3.50               | 14.84          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 174 | 110520 | ĐỖ THỊ THANH TRÚC      | Nữ        | 02/09/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.65           | 0.00         |              | 5.75                 | 6.50              | 5.25               | 14.84          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 175 | 010456 | LÊ BẢO NGHỊ            | Nữ        | 03/05/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.58           | 0.00         |              | 5.75                 | 6.00              | 5.75               | 14.82          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 176 | 050062 | PHAN THỊ MỸ DUYỀN      | Nữ        | 30/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Dương Minh Châu   | 8.00           | 0.00         |              | 6.25                 | 6.75              | 4.75               | 14.82          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 177 | 110225 | NGÔ HOÀNG LÂM          | Nam       | 12/06/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Ngô Gia Tự        | 8.58           | 0.00         |              | 6.50                 | 6.25              | 4.75               | 14.82          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 178 | 180239 | NGUYỄN THỊ NGỌC TRINH  | Nữ        | 01/10/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Hoàng Văn Thu     | 8.58           | 0.00         |              | 4.75                 | 7.00              | 5.75               | 14.82          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 179 | 110352 | ĐẶNG TÂN PHÁT          | Nam       | 16/02/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 7.33           | 0.00         |              | 5.00                 | 6.75              | 6.25               | 14.80          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 180 | 120489 | NGÔ PHÚC THỊNH         | Nam       | 12/04/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.48           | 0.00         |              | 7.50                 | 4.75              | 5.25               | 14.79          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 181 | 100498 | VÕ THỊ THANH TIỀN      | Nữ        | 02/05/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.43           | 0.00         |              | 7.50                 | 5.75              | 4.25               | 14.78          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 182 | 120307 | HUYỀN KIM NGÂN         | Nữ        | 13/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.28           | 0.00         |              | 4.50                 | 5.75              | 7.75               | 14.78          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 183 | 290100 | ĐÀO MINH HẦU           | Nam       | 16/06/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.28           | 0.00         |              | 5.25                 | 8.00              | 4.75               | 14.78          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 184 | 100161 | LƯU NGỌC HƯƠNG         | Nữ        | 31/08/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.33           | 0.00         |              | 6.50                 | 6.00              | 5.00               | 14.75          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 185 | 120545 | PHẠM NGUYỄN BẢO TRÂM   | Nữ        | 20/10/2008 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Lê Quý Đôn        | 7.13           | 0.00         |              | 4.75                 | 4.50              | 8.75               | 14.74          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 186 | 100483 | NGUYỄN NGỌC ANH THƯ    | Nữ        | 22/01/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.28           | 0.00         |              | 8.00                 | 6.00              | 3.50               | 14.73          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 187 | 100195 | NGUYỄN TRẦN KHÔN       | Nam       | 18/08/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.65           | 0.00         |              | 5.00                 | 7.25              | 5.50               | 14.72          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 188 | 100247 | LÊ NGUYỄN GIA MINH     | Nam       | 02/08/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.25           | 0.00         |              | 6.00                 | 6.50              | 5.00               | 14.72          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 189 | 100347 | NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ   | Nữ        | 17/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.25           | 0.00         |              | 5.00                 | 6.50              | 6.00               | 14.72          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 190 | 110412 | NGUYỄN TRẦN THANH TÂM  | Nam       | 30/05/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 7.65           | 0.00         |              | 6.00                 | 5.75              | 6.00               | 14.72          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 191 | 120267 | CAO MAI LÝ             | Nữ        | 23/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.25           | 0.00         |              | 6.75                 | 5.75              | 5.00               | 14.72          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 192 | 100080 | ĐỖ NGUYỄN QUỲNH DƯƠNG  | Nữ        | 19/06/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.75           | 0.00         |              | 8.00                 | 5.75              | 3.50               | 14.70          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 193 | 150057 | NGUYỄN THỊ KIM DUYỀN   | Nữ        | 29/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Tân Châu          | THPT Tân Đông          | 7.58           | 0.00         |              | 6.00                 | 4.50              | 7.25               | 14.70          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 194 | 080471 | LÊ NGỌC KHÁNH VY       | Nữ        | 16/06/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Ngô Gia Tự        |                        | 8.73           | 0.00         |              | 3.75                 | 7.25              | 6.25               | 14.69          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 195 | 110488 | HUYỀN THANH TOÀN       | Nam       | 03/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.13           | 0.00         |              | 5.00                 | 4.75              | 7.75               | 14.69          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 196 | 100358 | NGUYỄN HUỲNH TÂN PHÁT  | Nam       | 11/12/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.08           | 0.00         |              | 5.50                 | 7.50              | 4.50               | 14.67          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 197 | 110001 | HUYỀN THỊ MỸ AN        | Nữ        | 31/03/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Nguyễn Huệ        | 8.05           | 0.00         |              | 7.25                 | 5.00              | 5.25               | 14.67          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 198 | 180187 | NGUYỄN THỊ THANH THẢO  | Nữ        | 21/05/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Hoàng Văn Thu     | 7.65           | 1.00         | CMDT         | 4.25                 | 6.50              | 5.50               | 14.67          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 199 | 010766 | HỒ THỊ NGỌC TRINH      | Nữ        | 21/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh |                        |                        | 8              | 0            |              | 6.25                 | 6.75              | 4.5                | 14.65          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 200 | 110145 | NGUYỄN MINH HOÀNG      | Nam       | 04/06/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 9.13           | 0.00         |              | 7.00                 | 4.50              | 5.50               | 14.64          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 201 | 110128 | NGUYỄN LÊ SONG HÂN     | Nữ        | 18/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.48           | 0.00         |              | 6.00                 | 5.50              | 5.75               | 14.62          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 202 | 080491 | TRẦN THỊ NHƯ Ý         | Nữ        | 19/01/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Ngô Gia Tự        | 9.03           | 0.00         |              | 6.00                 | 7.25              | 3.75               | 14.61          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 203 | 100421 | NGUYỄN MINH SANG       | Nam       | 15/07/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.25           | 0.00         |              | 5.00                 | 4.00              | 8.75               | 14.60          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 204 | 120340 | NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC   | Nữ        | 23/8/2009  | THPT Tây Ninh         | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.80           | 0.00         |              | 5.75                 | 6.00              | 5.75               | 14.59          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 205 | 100528 | NGUYỄN BẢO TRẦN        | Nữ        | 06/12/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.35           | 0.00         |              | 6.50                 | 6.50              | 4.25               | 14.58          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 206 | 100369 | PHẠM HỮU PHONG         | Nam       | 20/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Huỳnh Thúc Kháng  | 8.88           | 0.00         |              | 6.50                 | 7.00              | 3.50               | 14.56          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 207 | 100482 | NGUYỄN MINH THƯ        | Nữ        | 24/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Dương Minh Châu   | 8.28           | 0.00         |              | 5.50                 | 6.50              | 5.25               | 14.56          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 208 | 110423 | LÊ PHÚC THÀNH          | Nam       | 15/04/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.25           | 0.00         |              | 4.75                 | 6.50              | 6.00               | 14.55          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 209 | 100184 | TRẦN TUẤN KHANG        | Nam       | 19/04/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 6.98           | 0.00         |              | 6.25                 | 6.75              | 4.75               | 14.52          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 210 | 110381 | NGUYỄN THỊ TRÚC PHƯƠNG | Nữ        | 24/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.73           | 0.00         |              | 5.00                 | 6.50              | 5.50               | 14.52          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 211 | 110557 | NGUYỄN HÀ PHƯƠNG VINH  | Nữ        | 06/11/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.15           | 0.00         |              | 5.50                 | 5.50              | 6.25               | 14.52          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |

| STT | SBD    | Họ và tên          |        | Giới tính | Ngày sinh  | Trường NV1            | Trường NV2             | Trường NV3             | TBC 4 năm THCS | Điểm Ưu tiên | Diện Ưu tiên | Điểm thi môn Ngữ văn | Điểm thi môn Toán | Điểm thi Tiếng Anh | Điểm xét tuyển | NV trúng tuyển | Trúng tuyển vào trường |
|-----|--------|--------------------|--------|-----------|------------|-----------------------|------------------------|------------------------|----------------|--------------|--------------|----------------------|-------------------|--------------------|----------------|----------------|------------------------|
| 212 | 100538 | ĐỖ ĐÌNH            | TRỊ    | Nam       | 24/03/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 6.95           | 0.00         |              | 5.75                 | 6.00              | 6.00               | 14.51          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 213 | 100015 | HUỖNH TRÂM         | ANH    | Nữ        | 18/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Dương Minh Châu   | 8.68           | 0.00         |              | 4.25                 | 6.50              | 6.25               | 14.50          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 214 | 120319 | ĐẶNG PHƯƠNG        | NGHỊ   | Nữ        | 12/01/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.08           | 0.00         |              | 5.00                 | 6.00              | 6.25               | 14.50          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 215 | 110313 | HỒ THỊ TRINH       | NGUYỄN | Nữ        | 05/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 8.03           | 0.00         |              | 6.25                 | 5.75              | 5.25               | 14.48          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 216 | 110516 | HỒ MINH            | TRỌNG  | Nam       | 30/04/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.50           | 0.00         |              | 4.75                 | 7.75              | 4.50               | 14.45          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 217 | 110567 | NGUYỄN HOÀNG KHANH | VY     | Nữ        | 30/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 7.93           | 0.00         |              | 7.75                 | 3.25              | 6.25               | 14.45          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 218 | 010778 | NGUYỄN MINH        | TRƯỜNG | Nam       | 14/07/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Lê Quý Đôn        | 8.48           | 0            |              | 4                    | 4.5               | 8.5                | 14.44          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 219 | 110362 | PHẠM TÂN           | PHÁT   | Nam       | 20/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 7.30           | 0.00         |              | 6.00                 | 7.75              | 3.75               | 14.44          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 220 | 050541 | PHAN THỊ TƯỜNG     | VY     | Nữ        | 08/06/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Dương Minh Châu   | 8.45           | 0.00         |              | 4.75                 | 7.25              | 5.00               | 14.43          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 221 | 020464 | HUỖNH TÂN          | PHÁT   | Nam       | 23/11/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 6.05           | 0.00         |              | 4.00                 | 7.50              | 6.50               | 14.42          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 222 | 020678 | TRẦN MINH          | TRUNG  | Nam       | 18/05/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Lê Quý Đôn        | 7.83           | 0.00         |              | 4.25                 | 5.25              | 7.75               | 14.42          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 223 | 110586 | ĐÀO TUẤN           | VỸ     | Nam       | 12/10/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.83           | 0.00         |              | 5.50                 | 7.25              | 4.50               | 14.42          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 224 | 110242 | ĐỒNG THỊ HUỖNH     | MAI    | Nữ        | 25/12/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.35           | 0.00         |              | 3.50                 | 6.00              | 7.50               | 14.41          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 225 | 100258 | NGUYỄN THỊ THẢO    | MY     | Nữ        | 30/06/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.90           | 0.00         |              | 7.25                 | 4.50              | 5.00               | 14.39          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 226 | 100414 | NGUYỄN THỊ TRÚC    | QUỖNH  | Nữ        | 30/04/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.30           | 0.00         |              | 7.00                 | 6.50              | 3.50               | 14.39          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 227 | 100594 | NGUYỄN PHAN NGỌC   | VY     | Nữ        | 01/03/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.30           | 0.00         |              | 5.75                 | 5.75              | 5.50               | 14.39          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 228 | 110024 | NGUYỄN THỊ TRÂM    | ANH    | Nữ        | 21/12/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.10           | 0.00         |              | 6.58                 | 5.00              | 5.50               | 14.39          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 229 | 080185 | NGUYỄN THỊ TRÚC    | LY     | Nữ        | 29/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.85           | 0.00         |              | 5.50                 | 5.75              | 5.50               | 14.38          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 230 | 100618 | NGUYỄN THÀNH       | Ỡ      | Nam       | 06/12/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 7.05           | 0.00         |              | 5.00                 | 5.75              | 6.75               | 14.37          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 231 | 120468 | TRẦN QUANG         | THANH  | Nam       | 25/11/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.65           | 0.00         |              | 6.50                 | 6.00              | 4.75               | 14.37          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 232 | 110119 | LÊ MINH            | HAO    | Nam       | 12/07/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.63           | 0.00         |              | 5.50                 | 7.00              | 4.75               | 14.36          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 233 | 050183 | TRẦN LÊ GIA        | KIỆT   | Nam       | 19/06/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Thái Bình  | 8.18           | 0.00         |              | 5.00                 | 7.00              | 5.00               | 14.35          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 234 | 100056 | TÀ NGUYỄN THÀNH    | DANH   | Nam       | 17/12/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 7.58           | 0.00         |              | 5.00                 | 6.00              | 6.25               | 14.35          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 235 | 120036 | VƯƠNG QUỐC         | ANH    | Nam       | 04/09/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.60           | 0.00         |              | 6.25                 | 4.50              | 6.50               | 14.35          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 236 | 010217 | NGUYỄN THANH       | HIỂN   | Nam       | 29/05/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.15           | 0            |              | 6                    | 5.5               | 5.5                | 14.34          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 237 | 010820 | HUỖNH CÔNG         | VINH   | Nam       | 14/05/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Lê Quý Đôn        | 8.73           | 0            |              | 7                    | 4.75              | 5                  | 14.34          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 238 | 100197 | TRƯƠNG LÊ TUE      | KHƯƠNG | Nữ        | 12/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Quang Trung       | 8.13           | 0.00         |              | 7.00                 | 5.00              | 5.00               | 14.34          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 239 | 100242 | NGŨ THỊ XUÂN       | MAI    | Nữ        | 02/07/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.15           | 0.00         |              | 5.50                 | 5.50              | 6.00               | 14.34          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 240 | 100567 | PHÙNG THỊ NGỌC     | TUYẾN  | Nữ        | 15/12/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.13           | 0.00         |              | 6.25                 | 6.25              | 4.50               | 14.34          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 241 | 120084 | ĐÌNH XUÂN HẢO      | DUYỀN  | Nữ        | 06/10/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.73           | 0.00         |              | 5.75                 | 6.00              | 5.00               | 14.34          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 242 | 120411 | NGUYỄN DUY         | PHÚC   | Nam       | 18/06/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.05           | 0.00         |              | 7.50                 | 4.75              | 4.75               | 14.32          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 243 | 120580 | ĐÀO THỊ CẨM        | TỬ     | Nữ        | 24/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.08           | 0.00         |              | 6.25                 | 4.50              | 6.25               | 14.32          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 244 | 100304 | TRƯƠNG NHƯ         | NGỌC   | Nữ        | 08/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.45           | 0.00         |              | 7.25                 | 3.50              | 6.50               | 14.31          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 245 | 100310 | VÔ BÚI THẢO        | NGUYỄN | Nữ        | 05/10/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.63           | 0.00         |              | 6.25                 | 4.50              | 6.00               | 14.31          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 246 | 120552 | NGUYỄN VÔ HUYỀN    | TRẦN   | Nữ        | 27/05/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.60           | 0.00         |              | 7.50                 | 4.50              | 4.75               | 14.31          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 247 | 100067 | ĐỖ MINH            | DUY    | Nam       | 17/11/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.43           | 0.00         |              | 5.50                 | 6.00              | 5.75               | 14.30          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 248 | 120162 | CAO MINH           | HUY    | Nam       | 18/04/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.40           | 0.00         |              | 5.00                 | 4.75              | 7.50               | 14.30          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 249 | 120167 | NGUYỄN LONG        | HUY    | Nam       | 08/09/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.93           | 0.00         |              | 3.50                 | 6.50              | 7.00               | 14.28          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 250 | 110293 | HUỖNH LÊ TRỌNG     | NGHĨA  | Nam       | 05/03/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 8.48           | 0.00         |              | 6.75                 | 5.25              | 4.75               | 14.27          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 251 | 120238 | BÚI Ỡ              | LAND   | Nữ        | 29/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 6.15           | 0.00         |              | 7.75                 | 3.75              | 6.25               | 14.27          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 252 | 080350 | NGUYỄN GIA         | THỊ    | Nữ        | 30/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Ngô Gia Tự        | THPT Nguyễn Huệ        | 9.00           | 0.00         |              | 5.50                 | 6.00              | 5.00               | 14.25          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 253 | 100192 | HOÀNG MINH         | KHÔI   | Nam       | 12/04/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.85           | 0.00         |              | 6.75                 | 6.25              | 4.00               | 14.25          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 254 | 110282 | TRẦN LÝ KIM        | NGÂN   | Nữ        | 23/11/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.85           | 0.00         |              | 5.50                 | 5.00              | 6.50               | 14.25          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |

| STT | SBD    | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Trường NV1            | Trường NV2             | Trường NV3             | TBC 4 năm THCS | Điểm Ưu tiên | Diện Ưu tiên | Điểm thi môn Ngữ văn | Điểm thi môn Toán | Điểm thi Tiếng Anh | Điểm xét tuyển | NV trúng tuyển | Trúng tuyển vào trường |
|-----|--------|------------------------|-----------|------------|-----------------------|------------------------|------------------------|----------------|--------------|--------------|----------------------|-------------------|--------------------|----------------|----------------|------------------------|
| 255 | 110379 | HUYNH MAI PHƯƠNG       | Nữ        | 04/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.43           | 0.00         |              | 6.00                 | 6.00              | 4.75               | 14.25          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 256 | 110541 | NGUYỄN THỊ ANH TUYẾT   | Nữ        | 26/04/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 7.83           | 0.00         |              | 6.50                 | 5.75              | 4.75               | 14.25          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 257 | 080133 | LÊ NHƯ HUỖNH           | Nữ        | 28/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.38           | 0.00         |              | 6.00                 | 6.25              | 4.50               | 14.24          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 258 | 110333 | NGUYỄN TUYẾT NHI       | Nữ        | 03/11/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.35           | 0.00         |              | 7.75                 | 4.75              | 4.25               | 14.23          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 259 | 100118 | NGUYỄN THỊ KIM HÂN     | Nữ        | 03/06/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.30           | 0.00         |              | 6.00                 | 5.75              | 5.00               | 14.22          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 260 | 100495 | VÕ THỊ MAI THY         | Nữ        | 13/05/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.90           | 0.00         |              | 7.00                 | 6.00              | 3.50               | 14.22          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 261 | 110325 | HOÀNG MINH NHẬT        | Nam       | 15/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.28           | 0.00         |              | 6.50                 | 5.00              | 5.25               | 14.21          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 262 | 110568 | NGUYỄN HUỖNH BẢO VY    | Nữ        | 23/02/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.88           | 0.00         |              | 5.50                 | 5.25              | 5.75               | 14.21          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 263 | 120410 | NGUYỄN BẢO PHÚC        | Nam       | 19/12/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Hoàng Văn Thụ     | 7.70           | 0.00         |              | 6.25                 | 7.00              | 3.75               | 14.21          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 264 | 080140 | VÕ THỊ THU HUƠNG       | Nữ        | 06/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Ngô Gia Tự        |                        | 8.80           | 0.00         |              | 4.25                 | 6.75              | 5.50               | 14.19          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 265 | 100095 | TRẦN ANH ĐẦY           | Nam       | 20/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 6.45           | 0.00         |              | 2.50                 | 6.50              | 8.50               | 14.18          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 266 | 100229 | TRINH THỊ KHÁNH LINH   | Nữ        | 29/12/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Nguyễn Huệ        | 7.60           | 0.00         |              | 6.50                 | 5.50              | 5.00               | 14.18          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 267 | 100377 | VÕ HUỖNH GIA PHÚ       | Nam       | 21/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.78           | 0.00         |              | 6.00                 | 4.75              | 5.75               | 14.18          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 268 | 110329 | LÊ NGUYỄN YẾN NHI      | Nữ        | 19/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.20           | 0.00         |              | 5.75                 | 3.00              | 8.00               | 14.18          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 269 | 120004 | NGÔ THỊ THÚY AN        | Nữ        | 23/05/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.18           | 0.00         |              | 6.50                 | 5.25              | 5.00               | 14.18          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 270 | 100565 | LÊ NGỌC TUYỀN          | Nữ        | 28/05/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.15           | 0.00         |              | 8.25                 | 2.75              | 5.75               | 14.17          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 271 | 110372 | LÊ TIẾN PHÚC           | Nam       | 16/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 7.55           | 0.00         |              | 4.50                 | 5.50              | 7.00               | 14.17          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 272 | 120579 | NGUYỄN NHẬT TRƯỜNG     | Nam       | 11/12/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.15           | 0.00         |              | 4.50                 | 7.25              | 5.00               | 14.17          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 273 | 080261 | LÝ HOÀI YẾN NHI        | Nữ        | 20/05/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Ngô Gia Tự        | 8.70           | 0.00         |              | 5.75                 | 5.75              | 5.00               | 14.16          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 274 | 100470 | NGUYỄN BẢO THUẬN       | Nam       | 21/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 8.05           | 0.00         |              | 4.50                 | 6.50              | 5.75               | 14.14          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 275 | 030024 | NGUYỄN PHAM HUỖNH ANH  | Nữ        | 09/06/2009 | THPT Trần Đại Nghĩa   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Lê Quý Đôn        | 7.38           | 0.00         |              | 6.50                 | 5.00              | 5.50               | 14.11          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 276 | 080055 | NGUYỄN CAO ÁNH DƯƠNG   | Nữ        | 23/11/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Ngô Gia Tự        | 8.50           | 0.00         |              | 5.50                 | 5.50              | 5.50               | 14.10          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 277 | 100088 | NGUYỄN QUỐC ĐẠT        | Nam       | 02/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 8.48           | 0.00         |              | 5.50                 | 5.50              | 5.50               | 14.09          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 278 | 110048 | NGUYỄN QUỐC BÌNH       | Nam       | 18/07/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.85           | 0.00         |              | 4.50                 | 6.50              | 5.75               | 14.08          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 279 | 120097 | TRẦN HỒ PHÁT ĐẠT       | Nam       | 22/04/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.28           | 0.00         |              | 6.25                 | 6.00              | 4.75               | 14.08          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 280 | 050298 | CHU THỊ YẾN NHI        | Nữ        | 24/10/2009 | THPT Trần Đại Nghĩa   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Lê Quý Đôn        | 7.73           | 0.00         |              | 5.50                 | 4.50              | 6.75               | 14.04          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 281 | 120519 | TRẦN NGUYỄN ANH THƯ    | Nữ        | 01/05/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.13           | 0.00         |              | 6.75                 | 4.75              | 5.50               | 14.04          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 282 | 020644 | TRẦN CAO TOÀN          | Nam       | 20/07/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.10           | 0.00         |              | 4.75                 | 8.00              | 4.25               | 14.03          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 283 | 100621 | TRƯƠNG PHAM NHƯ Ý      | Nữ        | 25/10/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.63           | 0.00         |              | 4.75                 | 7.75              | 4.25               | 14.01          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 284 | 120020 | NGUYỄN BUI MAI ANH     | Nữ        | 22/07/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.15           | 0.00         |              | 7.25                 | 3.00              | 6.25               | 13.99          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 285 | 120350 | ĐỖ THUY THẢO NGUYỄN    | Nữ        | 16/05/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.55           | 0.00         |              | 6.00                 | 6.00              | 4.75               | 13.99          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 286 | 080469 | HUỖNH NGỌC PHƯƠNG VY   | Nữ        | 09/03/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.70           | 0.00         |              | 3.00                 | 7.25              | 6.00               | 13.98          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 287 | 120570 | HUỖNH ANH TRÚC         | Nữ        | 01/01/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Lê Quý Đôn        | 8.63           | 0.00         |              | 5.00                 | 5.25              | 6.00               | 13.96          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 288 | 100207 | BUI DƯƠNG THỦY LAM     | Nữ        | 02/03/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Dương Minh Châu   | 7.93           | 0.00         |              | 5.75                 | 6.00              | 4.75               | 13.93          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 289 | 290101 | TRẦN THANH HẬU         | Nam       | 22/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Huỳnh Thúc Kháng  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.30           | 0.00         |              | 5.00                 | 6.75              | 5.00               | 13.92          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 290 | 120196 | NGUYỄN PHÚ KHANG       | Nam       | 02/07/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.28           | 0.00         |              | 5.50                 | 7.50              | 3.75               | 13.91          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 291 | 150114 | NGUYỄN DƯƠNG HÙNG HUY  | Nam       | 03/04/2009 | THPT Tây Ninh         | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Tân Châu          | 7.28           | 0.00         |              | 3.75                 | 6.25              | 6.75               | 13.91          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 292 | 100376 | PHẠM HỮU PHÚ           | Nam       | 20/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Huỳnh Thúc Kháng  | 8.98           | 0.00         |              | 6.50                 | 7.00              | 2.50               | 13.89          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 293 | 110304 | LÊ THỊ HỒNG NGỌC       | Nữ        | 04/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Nguyễn Huệ        | 7.80           | 0.00         |              | 5.50                 | 4.25              | 6.75               | 13.89          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 294 | 050022 | NGUYỄN LÊ NGỌC ÁNH     | Nữ        | 22/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Thái Bình  | THPT Dương Minh Châu   | 7.20           | 0.00         |              | 6.50                 | 5.50              | 4.75               | 13.88          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 295 | 100050 | NGUYỄN VĂN TRIỂN CHIỂU | Nam       | 04/02/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 7.20           | 0.00         |              | 6.25                 | 5.00              | 5.50               | 13.88          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 296 | 110126 | LÝ GIA HÂN             | Nữ        | 04/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.35           | 0.00         |              | 4.25                 | 5.00              | 7.00               | 13.88          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 297 | 050417 | NGUYỄN THỊ KIM THOA    | Nữ        | 17/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Thái Bình  | THPT Dương Minh Châu   | 7.70           | 0.00         |              | 4.75                 | 5.75              | 6.00               | 13.86          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |

| STT | SBD    | Họ và tên               | Giới tính | Ngày sinh  | Trường NV1            | Trường NV2             | Trường NV3             | TBC 4 năm THCS | Điểm Ưu tiên | Diện Ưu tiên | Điểm thi môn Ngữ văn | Điểm thi môn Toán | Điểm thi Tiếng Anh | Điểm xét tuyển | NV trúng tuyển | Trúng tuyển vào trường |
|-----|--------|-------------------------|-----------|------------|-----------------------|------------------------|------------------------|----------------|--------------|--------------|----------------------|-------------------|--------------------|----------------|----------------|------------------------|
| 298 | 110207 | HỒ MINH KHÔI            | Nam       | 17/01/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.28           | 0.00         |              | 5.25                 | 6.50              | 4.50               | 13.86          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 299 | 120397 | TRẦN MINH PHÁT          | Nam       | 11/12/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.28           | 0.00         |              | 5.25                 | 4.75              | 6.25               | 13.86          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 300 | 110301 | HUỲNH THỊ BAO NGỌC      | Nữ        | 28/02/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.63           | 0.00         |              | 5.58                 | 6.00              | 4.50               | 13.84          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 301 | 120474 | LÂM THANH THẢO          | Nữ        | 17/01/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.23           | 0.00         |              | 4.50                 | 6.50              | 5.25               | 13.84          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 302 | 100196 | TRẦN PHÚ KHƯƠNG         | Nam       | 09/04/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.78           | 0.00         |              | 4.50                 | 6.00              | 5.50               | 13.83          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 303 | 120524 | HÀ KIM THY              | Nữ        | 24/04/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.20           | 0.00         |              | 5.75                 | 6.00              | 4.50               | 13.83          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 304 | 150323 | TRẦN THU TRANG          | Nữ        | 15/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Tân Châu          | THPT Tân Hưng          | 7.18           | 1.00         | CMDT         | 6.75                 | 2.50              | 6.00               | 13.83          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 305 | 100164 | NGUYỄN NGỌC ĐÌNH KHA    | Nam       | 21/06/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Dương Minh Châu   | 8.75           | 0.00         |              | 5.50                 | 5.75              | 4.75               | 13.82          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 306 | 110244 | TRƯƠNG THỊ TUYẾT MAI    | Nữ        | 27/03/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.75           | 0.00         |              | 5.75                 | 6.50              | 3.75               | 13.82          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 307 | 110461 | HỒ ANH THƯ              | Nữ        | 30/12/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Dương Minh Châu   | 8.73           | 0.00         |              | 7.25                 | 5.00              | 3.75               | 13.82          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 308 | 110548 | PHẠM THUY VÂN           | Nữ        | 14/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.75           | 0.00         |              | 7.75                 | 5.50              | 2.75               | 13.82          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 309 | 100542 | VÕ MINH TRIẾT           | Nam       | 27/06/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.13           | 0.00         |              | 5.00                 | 7.00              | 4.25               | 13.81          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 310 | 080129 | VÕ PHẠM GIA HUY         | Nam       | 16/05/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Ngô Gia Tự        |                        | 8.68           | 0.00         |              | 4.50                 | 6.25              | 5.25               | 13.80          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 311 | 100135 | PHẠM ANH HOÀNG          | Nam       | 21/12/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 6.93           | 0.00         |              | 6.25                 | 5.00              | 5.50               | 13.80          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 312 | 110259 | NGUYỄN THẢO MY          | Nữ        | 16/03/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.08           | 0.00         |              | 6.75                 | 4.75              | 4.75               | 13.80          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 313 | 110358 | NGUYỄN TÂN PHÁT         | Nam       | 04/06/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.68           | 0.00         |              | 3.75                 | 6.50              | 5.75               | 13.80          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 314 | 110489 | NGUYỄN THANH TOÀN       | Nam       | 06/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Hoàng Văn Thụ     | 7.48           | 0.00         |              | 6.00                 | 5.25              | 5.25               | 13.79          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 315 | 020400 | NGUYỄN HÀ KHÁNH NGỌC    | Nữ        | 30/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Hoàng Văn Thụ     | 6.85           | 0.00         |              | 7.00                 | 5.00              | 4.75               | 13.78          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 316 | 100318 | KHƯƠNG THỊ YẾN NHI      | Nữ        | 04/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 8.60           | 0.00         |              | 6.00                 | 5.75              | 4.25               | 13.78          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 317 | 110023 | NGUYỄN THỊ LAN ANH      | Nữ        | 18/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.53           | 0.00         |              | 7.00                 | 6.00              | 3.00               | 13.76          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 318 | 110060 | PHÔNG TRÍ CƯỜNG         | Nam       | 20/04/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 7.95           | 0.00         |              | 6.00                 | 6.75              | 3.50               | 13.76          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 319 | 120207 | ĐẶNG QUỐC KHÁNH         | Nam       | 24/01/2009 | THPT Trần Đại Nghĩa   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Lê Quý Đôn        | 7.38           | 0.00         |              | 4.50                 | 6.00              | 6.00               | 13.76          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 320 | 020044 | TRẦN NGUYỄN TUẤN ANH    | Nam       | 22/03/2009 | THPT Trần Đại Nghĩa   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Lê Quý Đôn        | 7.90           | 0.00         |              | 4.25                 | 5.75              | 6.25               | 13.75          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 321 | 080356 | PHẠM CHÍ THỊNH          | Nam       | 12/05/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Ngô Gia Tự        | THPT Nguyễn Huệ        | 7.30           | 0.00         |              | 5.75                 | 7.00              | 3.75               | 13.74          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 322 | 100355 | ĐOÀN TÂN PHÁT           | Nam       | 27/03/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.88           | 0.00         |              | 5.25                 | 5.00              | 6.00               | 13.74          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 323 | 120501 | NGUYỄN HỮU THUỘC        | Nam       | 07/10/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.48           | 0.00         |              | 5.00                 | 6.25              | 4.75               | 13.74          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 324 | 110350 | NGUYỄN HOÀNG NHỰT       | Nam       | 21/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Quang Trung       | 8.43           | 0.00         |              | 6.25                 | 4.75              | 5.00               | 13.73          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 325 | 110406 | PHẠM HOÀNG SON          | Nam       | 27/04/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.45           | 0.00         |              | 4.75                 | 6.75              | 4.50               | 13.73          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 326 | 120218 | PHẠM BUI ĐĂNG KHOA      | Nam       | 29/06/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.85           | 0.00         |              | 5.00                 | 6.25              | 5.00               | 13.73          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 327 | 120463 | PHẠM CHÍ TÂM            | Nam       | 06/01/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.28           | 0.00         |              | 5.25                 | 6.50              | 4.75               | 13.73          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 328 | 100451 | PHẠM THANH THẢO         | Nữ        | 20/04/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  |                        | 7.83           | 0.00         |              | 5.50                 | 5.00              | 5.75               | 13.72          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 329 | 110385 | ĐỖ TRỌNG QUÝ            | Nam       | 12/11/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.83           | 0.00         |              | 5.00                 | 6.00              | 5.25               | 13.72          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 330 | 120224 | PHẠM TẠ TRUNG KIẾN      | Nam       | 10/05/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Lê Quý Đôn        | 7.83           | 0.00         |              | 4.00                 | 4.75              | 7.50               | 13.72          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 331 | 100592 | NGUYỄN LỸ THAO VY       | Nữ        | 04/07/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.78           | 0.00         |              | 6.25                 | 3.75              | 6.25               | 13.71          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 332 | 110518 | NGUYỄN HUỲNH QUỐC TRỌNG | Nam       | 26/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 7.20           | 0.00         |              | 6.25                 | 6.50              | 3.75               | 13.71          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 333 | 110471 | VÕ NGỌC ANH THƯ         | Nữ        | 05/11/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 8.88           | 0.00         |              | 6.25                 | 5.00              | 4.50               | 13.69          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 334 | 100564 | LÊ BÍCH TUYẾN           | Nữ        | 08/05/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 7.70           | 0.00         |              | 5.75                 | 5.25              | 5.25               | 13.68          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 335 | 110159 | NGUYỄN QUANG HUY        | Nam       | 08/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 7.70           | 0.00         |              | 5.50                 | 6.25              | 4.50               | 13.68          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 336 | 110308 | PHẠM ANH NGỌC           | Nữ        | 07/11/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.28           | 0.00         |              | 6.75                 | 4.00              | 5.25               | 13.68          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 337 | 050001 | ĐỖ BAO AN               | Nam       | 11/08/2008 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Dương Minh Châu   | 7.65           | 0.00         |              | 4.75                 | 5.50              | 6.00               | 13.67          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 338 | 110408 | LÊ SỸ                   | Nam       | 29/12/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.23           | 0.00         |              | 4.50                 | 5.75              | 5.75               | 13.67          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 339 | 110527 | PHẠM LÊ KHÁNH TRÚC      | Nữ        | 18/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.80           | 0.00         |              | 5.50                 | 5.50              | 4.75               | 13.67          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 340 | 110451 | DƯƠNG THANH THUẬN       | Nam       | 13/05/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.20           | 0.00         |              | 3.50                 | 6.50              | 6.00               | 13.66          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |

| STT | SBD    | Họ và tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Trường NV1            | Trường NV2             | Trường NV3             | TBC 4 năm THCS | Điểm Ưu tiên | Diện Ưu tiên | Điểm thi môn Ngữ văn | Điểm thi môn Toán | Điểm thi Tiếng Anh | Điểm xét tuyển | NV trúng tuyển | Trúng tuyển vào trường |
|-----|--------|-----------------------|-----------|------------|-----------------------|------------------------|------------------------|----------------|--------------|--------------|----------------------|-------------------|--------------------|----------------|----------------|------------------------|
| 341 | 100500 | NGUYỄN QUANG TIẾN     | Nam       | 10/05/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 7.58           | 0.00         |              | 8.25                 | 5.25              | 2.75               | 13.65          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 342 | 110138 | NGUYỄN VĂN HIẾU       | Nam       | 04/03/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.75           | 0.00         |              | 4.25                 | 6.75              | 4.75               | 13.65          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 343 | 110112 | THƯỢNG THANH HẢI      | Nam       | 10/04/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.15           | 0.00         |              | 5.25                 | 5.00              | 5.75               | 13.64          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 344 | 100232 | PHẠM HOÀNG LONG       | Nam       | 19/07/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.10           | 0.00         |              | 6.00                 | 6.25              | 3.75               | 13.63          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 345 | 110361 | NGUYỄN THÀNH PHẬT     | Nam       | 07/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 6.95           | 0.00         |              | 5.50                 | 6.25              | 4.75               | 13.63          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 346 | 110221 | LÊ ANH THIÊN          | Nữ        | 12/11/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.65           | 0.00         |              | 5.00                 | 5.75              | 5.00               | 13.62          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 347 | 080407 | PHẠM THỊ THỦY         | Nữ        | 28/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Ngô Gia Tự        | THPT Nguyễn Huệ        | 8.03           | 0.00         |              | 6.75                 | 4.75              | 4.50               | 13.61          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 348 | 110022 | NGUYỄN QUỐC ANH       | Nam       | 23/11/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.63           | 0.00         |              | 6.25                 | 4.50              | 5.00               | 13.61          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 349 | 110538 | VÕ MAI NGỌC           | Nữ        | 12/04/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 9.13           | 0.00         |              | 6.00                 | 5.50              | 4.00               | 13.59          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 350 | 100395 | NGUYỄN HOÀNG TRÚC     | Nữ        | 27/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 7.35           | 0.00         |              | 6.75                 | 4.75              | 4.75               | 13.58          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 351 | 110579 | NGUYỄN TƯỜNG VY       | Nữ        | 08/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 9.08           | 0.00         |              | 7.50                 | 4.75              | 3.25               | 13.57          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 352 | 120478 | NGUYỄN THỊ NGỌC       | Nữ        | 08/09/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.83           | 0.00         |              | 5.50                 | 4.50              | 6.00               | 13.55          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 353 | 100553 | TRẦN TRUNG TRÚC       | Nam       | 30/05/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.23           | 0.00         |              | 5.00                 | 5.75              | 5.50               | 13.54          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 354 | 110562 | HUYỀN THẢO VY         | Nữ        | 17/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 7.80           | 0.00         |              | 6.75                 | 4.50              | 4.75               | 13.54          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 355 | 110594 | NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý     | Nữ        | 13/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 8.40           | 0.00         |              | 6.50                 | 4.25              | 5.00               | 13.54          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 356 | 120496 | TRẦN QUỐC THỊNH       | Nam       | 21/10/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.38           | 0.00         |              | 5.50                 | 5.50              | 4.75               | 13.54          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 357 | 120187 | ĐĂNG THIỀU NHẬT       | Nam       | 12/11/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.15           | 0.00         |              | 5.00                 | 7.75              | 3.50               | 13.52          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 358 | 110483 | NGUYỄN BUI QUỐC TIẾN  | Nam       | 19/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 7.50           | 0.00         |              | 5.08                 | 4.50              | 6.50               | 13.51          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 359 | 080209 | TRƯƠNG THÀNH NAM      | Nam       | 25/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Ngô Gia Tự        | THPT Nguyễn Huệ        | 8.25           | 0.00         |              | 4.25                 | 6.00              | 5.50               | 13.50          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 360 | 120089 | NGUYỄN HOÀNG ĐẠI      | Nam       | 19/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.68           | 0.00         |              | 5.50                 | 5.50              | 5.00               | 13.50          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 361 | 100408 | NGUYỄN VĂN QUYÊN      | Nam       | 01/04/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 8.23           | 0.00         |              | 5.00                 | 7.25              | 3.50               | 13.49          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 362 | 100576 | TRẦN HOÀNG ÁI VÂN     | Nữ        | 07/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.23           | 0.00         |              | 5.00                 | 4.50              | 6.25               | 13.49          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 363 | 100005 | NGUYỄN THỊ DIỆU AN    | Nữ        | 16/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.20           | 0.00         |              | 5.25                 | 5.25              | 5.25               | 13.48          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 364 | 110270 | TRẦN NHẬT NAM         | Nam       | 24/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 7.00           | 0.00         |              | 5.50                 | 5.00              | 5.75               | 13.48          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 365 | 110420 | NGUYỄN LÊ QUỐC THÁI   | Nam       | 26/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 7.60           | 0.00         |              | 4.75                 | 5.75              | 5.50               | 13.48          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 366 | 100008 | PHAN THỊ THỦY AN      | Nữ        | 19/06/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 6.98           | 0.00         |              | 4.50                 | 3.00              | 8.75               | 13.47          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 367 | 100092 | HUYỀN VĂN HẢI         | Nam       | 06/08/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.58           | 0.00         |              | 6.75                 | 6.50              | 2.75               | 13.47          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 368 | 110281 | PHẠM THỊ KIM NGÂN     | Nữ        | 18/05/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.15           | 0.00         |              | 5.75                 | 5.00              | 5.00               | 13.47          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 369 | 110525 | NGUYỄN THỊ THANH TRÚC | Nữ        | 08/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 7.58           | 0.00         |              | 5.75                 | 4.75              | 5.50               | 13.47          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 370 | 120198 | PHẠM DUY KHANG        | Nam       | 12/09/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.08           | 0.00         |              | 5.00                 | 5.75              | 5.00               | 13.45          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 371 | 110334 | TẶNG BAO NHI          | Nữ        | 10/11/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.48           | 0.00         |              | 4.75                 | 2.75              | 8.50               | 13.44          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 372 | 110230 | TRẦN GIA LINH         | Nữ        | 03/03/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 9.00           | 0.00         |              | 5.33                 | 5.25              | 4.75               | 13.43          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 373 | 110470 | TRẦN MINH THƯ         | Nữ        | 10/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.55           | 0.00         |              | 6.50                 | 4.50              | 4.50               | 13.42          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 374 | 080195 | NGUYỄN NGỌC MINH      | Nữ        | 30/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.50           | 0.00         |              | 6.00                 | 3.25              | 6.25               | 13.40          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 375 | 100394 | LÊ THANH PHƯƠNG       | Nam       | 03/03/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.93           | 0.00         |              | 4.50                 | 6.25              | 5.00               | 13.40          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 376 | 110575 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG VY  | Nữ        | 05/11/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Hoàng Văn Thụ     | 8.50           | 0.00         |              | 6.50                 | 2.00              | 7.00               | 13.40          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 377 | 120644 | CAO LÊ HẢI YEN        | Nữ        | 31/10/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Lê Quý Đôn        | 7.33           | 0.00         |              | 5.25                 | 5.00              | 5.75               | 13.40          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 378 | 020227 | TRƯƠNG GIA HUY        | Nam       | 05/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Hoàng Văn Thụ     | 7.30           | 0.00         |              | 6.00                 | 5.25              | 4.75               | 13.39          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 379 | 110069 | HUYỀN BẢO DUY         | Nam       | 22/11/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.88           | 0.00         |              | 6.50                 | 5.50              | 3.75               | 13.39          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 380 | 010054 | TRẦN HOÀNG TUYẾT ANH  | Nữ        | 18/01/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.85           | 0            |              | 6                    | 5.25              | 4.5                | 13.38          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 381 | 100393 | HUYỀN THỊ MAI PHƯƠNG  | Nữ        | 21/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Dương Minh Châu   | 7.85           | 0.00         |              | 7.50                 | 4.25              | 4.00               | 13.38          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 382 | 080166 | NGUYỄN GIA LAC        | Nam       | 19/03/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Ngô Gia Tự        |                        | 8.40           | 0.00         |              | 4.50                 | 6.00              | 5.00               | 13.37          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 383 | 100022 | PHAN LÊ ANH           | Nam       | 15/06/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.83           | 0.00         |              | 5.75                 | 5.00              | 5.00               | 13.37          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |

| STT | SBD    | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Trường NV1            | Trường NV2             | Trường NV3             | TBC 4 năm THCS | Điểm Ưu tiên | Diện Ưu tiên | Điểm thi môn Ngữ văn | Điểm thi môn Toán | Điểm thi Tiếng Anh | Điểm xét tuyển | NV trúng tuyển | Trúng tuyển vào trường |
|-----|--------|------------------------|-----------|------------|-----------------------|------------------------|------------------------|----------------|--------------|--------------|----------------------|-------------------|--------------------|----------------|----------------|------------------------|
| 384 | 110147 | NGUYỄN NGỌC HÙNG       | Nam       | 01/12/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.83           | 0.00         |              | 5.50                 | 5.25              | 5.00               | 13.37          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 385 | 120299 | NGUYỄN NGỌC BẢO NAM    | Nam       | 13/05/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.80           | 0.00         |              | 5.75                 | 5.25              | 4.75               | 13.37          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 386 | 150229 | TRẦN THỊ TUYẾT NHI     | Nữ        | 20/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Tân Châu          | THPT Tân Hưng          | 7.40           | 1.00         | CMDT         | 3.50                 | 3.75              | 7.25               | 13.37          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 387 | 100437 | NGUYỄN TRẦN QUỐC THÁI  | Nam       | 22/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 7.20           | 0.00         |              | 5.25                 | 4.75              | 6.00               | 13.36          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 388 | 100019 | LÊ NGUYỄN QUỲNH ANH    | Nữ        | 27/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 8.30           | 0.00         |              | 7.50                 | 5.50              | 2.50               | 13.34          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 389 | 110277 | NGUYỄN NHƯ BẢO NGÂN    | Nữ        | 17/06/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Hoàng Văn Thụ     | 8.88           | 0.00         |              | 6.75                 | 3.25              | 5.25               | 13.34          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 390 | 100199 | NGUYỄN QUỐC KIẾT       | Nam       | 03/03/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.28           | 0.00         |              | 6.50                 | 5.75              | 3.25               | 13.33          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 391 | 100272 | LÊ KIM NGÂN            | Nữ        | 16/11/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Dương Minh Châu   | 8.28           | 0.00         |              | 6.50                 | 4.75              | 4.25               | 13.33          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 392 | 100275 | PHẠM THANH NGÂN        | Nữ        | 01/06/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.28           | 0.00         |              | 4.00                 | 5.00              | 6.50               | 13.33          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 393 | 110310 | TRẦN KHANH NGỌC        | Nữ        | 07/12/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 7.70           | 0.00         |              | 5.50                 | 5.00              | 5.25               | 13.33          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 394 | 120118 | LÊ NGUYỄN HOÀNG HẢO    | Nữ        | 10/12/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 6.53           | 0.00         |              | 6.00                 | 5.75              | 4.50               | 13.33          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 395 | 100418 | LÊ PHƯỚC SANG          | Nam       | 15/05/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Dương Minh Châu   | 7.05           | 0.00         |              | 5.00                 | 7.00              | 4.00               | 13.32          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 396 | 110199 | LÝ NGUYỄN VĂN KHÁNH    | Nữ        | 01/05/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.23           | 0.00         |              | 5.00                 | 5.25              | 5.25               | 13.32          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 397 | 100178 | NGUYỄN PHÚ KHANG       | Nam       | 15/03/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.18           | 0.00         |              | 5.00                 | 7.50              | 3.00               | 13.30          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 398 | 100468 | NGÔ NHẬT THÔNG         | Nam       | 11/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.18           | 0.00         |              | 4.00                 | 7.25              | 4.25               | 13.30          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 399 | 110035 | BÙI QUỐC BẢO           | Nam       | 30/11/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 7.58           | 0.00         |              | 4.00                 | 6.00              | 5.75               | 13.30          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 400 | 110504 | NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM   | Nữ        | 01/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 8.68           | 0.00         |              | 6.50                 | 5.50              | 3.25               | 13.28          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 401 | 100084 | ĐOÀN TIẾN ĐẠT          | Nam       | 25/09/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 6.50           | 1.00         | DT           | 5.00                 | 5.75              | 4.00               | 13.27          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 402 | 100473 | NGUYỄN HUỲNH NGỌC THÚY | Nữ        | 23/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.08           | 0.00         |              | 4.50                 | 5.50              | 5.50               | 13.27          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 403 | 010349 | LÊ MỸ LIÊN             | Nữ        | 02/02/2009 | THPT Tây Ninh         | THPT Trần Đại Nghĩa    | THPT Nguyễn Chí Thanh  | 8.03           | 0            |              | 4.25                 | 6                 | 5.25               | 13.26          | NV3            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 404 | 100266 | PHẠM HOÀI NAM          | Nam       | 16/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 8.03           | 0.00         |              | 6.50                 | 5.25              | 3.75               | 13.26          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 405 | 020203 | LÊ KHAI HOÀNG          | Nam       | 15/05/2009 | THPT Trần Đại Nghĩa   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 6.85           | 0.00         |              | 6.50                 | 5.50              | 4.00               | 13.25          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 406 | 110413 | THAI THANH TÂM         | Nữ        | 11/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 7.98           | 0.00         |              | 6.75                 | 4.75              | 4.00               | 13.24          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 407 | 100038 | PHẠM HOÀI BẢO          | Nam       | 14/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 6.78           | 0.00         |              | 6.00                 | 5.75              | 4.25               | 13.23          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 408 | 110248 | NGÔ LA MINH MÃN        | Nữ        | 07/05/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 7.90           | 0.00         |              | 7.50                 | 4.25              | 3.75               | 13.22          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 409 | 110174 | VÔ NGỌC HUƠNG          | Nữ        | 23/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 7.28           | 0.00         |              | 6.25                 | 4.75              | 4.75               | 13.21          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 410 | 080077 | NGÔ MINH ĐĂNG          | Nam       | 20/02/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 8.43           | 0.00         |              | 4.00                 | 5.25              | 6.00               | 13.20          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 411 | 100306 | VÔ THỊ HỒNG NGỌC       | Nữ        | 06/01/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.80           | 0.00         |              | 5.75                 | 4.50              | 5.25               | 13.19          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 412 | 100493 | NGUYỄN NGỌC BẢO THY    | Nữ        | 22/04/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.38           | 0.00         |              | 5.00                 | 5.75              | 4.50               | 13.19          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 413 | 050060 | VÔ NHẬT DUY            | Nam       | 03/06/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Dương Minh Châu   | 7.20           | 0.00         |              | 4.00                 | 7.00              | 4.75               | 13.18          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 414 | 100453 | TRẦN THỊ THU THẢO      | Nữ        | 04/02/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Dương Minh Châu   | 8.35           | 0.00         |              | 6.00                 | 4.50              | 4.75               | 13.18          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 415 | 110498 | HUỲNH NGỌC TRÂM        | Nữ        | 09/11/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 7.20           | 0.00         |              | 5.75                 | 4.25              | 5.75               | 13.18          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 416 | 120189 | LÂM BÀ KHANG           | Nam       | 23/03/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.35           | 0.00         |              | 5.75                 | 4.00              | 5.50               | 13.18          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 417 | 100614 | NGUYỄN THỊ THANH XUÂN  | Nữ        | 29/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.33           | 0.00         |              | 6.25                 | 4.75              | 4.25               | 13.17          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 418 | 100203 | NGUYỄN NGỌC THIÊN KIM  | Nữ        | 26/06/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 8.85           | 0.00         |              | 5.75                 | 4.00              | 5.25               | 13.16          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 419 | 100260 | PHẠM TRÀ MY            | Nữ        | 04/04/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.28           | 0.00         |              | 6.00                 | 4.50              | 4.75               | 13.16          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 420 | 100490 | HỒ HUỲNH MAI THY       | Nữ        | 04/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.28           | 0.00         |              | 6.75                 | 4.75              | 3.75               | 13.16          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 421 | 100385 | NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC   | Nữ        | 07/05/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 7.68           | 0.00         |              | 6.25                 | 4.75              | 4.50               | 13.15          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 422 | 110411 | PHẠM TÂN TÀI           | Nam       | 20/09/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh |                        |                        | 7.08           | 0.00         |              | 6.00                 | 6.75              | 3.00               | 13.15          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 423 | 120142 | TRẦN NGỌC BẢO HÂN      | Nữ        | 01/05/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.80           | 0.00         |              | 5.50                 | 4.25              | 5.25               | 13.14          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 424 | 080376 | ĐINH THỊ CẨM TIỀN      | Nữ        | 17/11/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Ngô Gia Tự        | THPT Huỳnh Thúc Kháng  | 8.18           | 0.00         |              | 5.75                 | 3.25              | 6.25               | 13.13          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 425 | 100224 | NGUYỄN THỊ TRÚC LINH   | Nữ        | 06/12/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.18           | 0.00         |              | 5.00                 | 5.00              | 5.25               | 13.13          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 426 | 110311 | TRẦN THỊ THẢO NGỌC     | Nữ        | 14/02/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Dương Minh Châu   | 8.20           | 0.00         |              | 6.00                 | 5.25              | 4.00               | 13.13          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |

| STT | SBD    | Họ và tên          | Giới tính | Ngày sinh  | Trường NV1            | Trường NV2             | Trường NV3             | TBC 4 năm THCS | Điểm Ưu tiên | Diện Ưu tiên | Điểm thi môn Ngữ văn | Điểm thi môn Toán | Điểm thi Tiếng Anh | Điểm xét tuyển | NV trúng tuyển | Trúng tuyển vào trường |
|-----|--------|--------------------|-----------|------------|-----------------------|------------------------|------------------------|----------------|--------------|--------------|----------------------|-------------------|--------------------|----------------|----------------|------------------------|
| 427 | 120390 | LÊ HỒNG PHÁT       | Nam       | 24/01/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.60           | 0.00         |              | 4.50                 | 5.75              | 5.25               | 13.13          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 428 | 050068 | NGUYỄN THANH THÀNH | ĐAT       | Nam        | 06/06/2009            | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Thái Bình  | 6.95           | 0.00         |              | 4.00                 | 7.75              | 4.00               | 13.11          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 429 | 120517 | TRẦN LÊ QUỲNH      | THƯ       | Nữ         | 25/10/2009            | THPT Lý Thường Kiệt    | THPT Nguyễn Chí Thanh  | 8.08           | 0.00         |              | 5.75                 | 5.75              | 3.75               | 13.10          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 430 | 100401 | VƯƠNG HỮU QUÂN     | Nam       | 09/04/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.05           | 0.00         |              | 5.75                 | 5.00              | 4.50               | 13.09          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 431 | 290112 | LÊ PHẠM QUỲNH      | HOA       | Nữ         | 13/01/2009            | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Hoàng Văn Thụ     | 8.03           | 0.00         |              | 6.00                 | 4.75              | 4.50               | 13.08          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 432 | 100469 | NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG | THƠ       | Nữ         | 25/02/2009            | THPT Lý Thường Kiệt    | THPT Nguyễn Chí Thanh  | 7.40           | 0.00         |              | 3.25                 | 6.75              | 5.50               | 13.07          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 433 | 120505 | BUI THI ANH        | THƯ       | Nữ         | 20/11/2009            | THPT Lý Thường Kiệt    | THPT Nguyễn Chí Thanh  | 7.98           | 0.00         |              | 5.25                 | 5.75              | 4.25               | 13.07          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 434 | 100499 | NGÔ MINH TIẾN      | Nam       | 30/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 7.95           | 0.00         |              | 5.00                 | 4.50              | 5.75               | 13.06          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 435 | 110303 | HUYNH THI KIM      | NGOC      | Nữ         | 28/02/2009            | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.53           | 0.00         |              | 6.50                 | 5.75              | 2.75               | 13.06          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 436 | 110013 | LÊ TUẤN ANH        | Nam       | 01/08/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 6.75           | 0.00         |              | 6.00                 | 4.75              | 5.00               | 13.05          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 437 | 110597 | TRẦN THỊ NHƯ Ý     | Nữ        | 30/11/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Ngô Gia Tự        | 7.90           | 0.00         |              | 6.00                 | 4.75              | 4.50               | 13.05          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 438 | 150306 | NGUYỄN MINH THƯ    | Nữ        | 09/02/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Tân Đông          | 9.08           | 0.00         |              | 6.00                 | 6.00              | 2.75               | 13.05          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 439 | 100234 | TRẦN ĐÌNH LONG     | Nam       | 01/12/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực | THPT Lê Quý Đôn        | 7.88           | 0.00         |              | 6.00                 | 4.75              | 4.50               | 13.04          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 440 | 110090 | NGUYỄN THỊ TRÚC    | ĐÀO       | Nữ         | 01/03/2009            | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.40           | 0.00         |              | 5.00                 | 5.50              | 4.50               | 13.02          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 441 | 120375 | KHA THỊ TỬ NHƯ     | Nữ        | 16/08/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 8.40           | 0.00         |              | 6.75                 | 4.25              | 4.00               | 13.02          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 442 | 120378 | PHẠM TỎ NHƯ        | Nữ        | 23/01/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.23           | 0.00         |              | 4.00                 | 5.00              | 6.50               | 13.02          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 443 | 020626 | CAO THỊ CẨM        | TIẾN      | Nữ         | 03/02/2009            | THPT Lý Thường Kiệt    | THPT Nguyễn Chí Thanh  | 7.78           | 0.00         |              | 4.25                 | 5.00              | 6.00               | 13.01          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 444 | 110143 | NGUYỄN HUY HOÀNG   | Nữ        | 30/08/2009 | THPT Lý Thường Kiệt   | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.78           | 0.00         |              | 7.00                 | 5.50              | 2.75               | 13.01          | NV2            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 445 | 090511 | HỒ TƯỜNG VI        | Nữ        | 28/10/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Văn Trỗi   | THPT Nguyễn Thái Bình  | 8.33           | 0.00         |              | 7.75                 | 3.25              | 4.00               | 13.00          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 446 | 110600 | LÊ NGỌC HẢI        | YÊN       | Nữ         | 10/03/2009            | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.75           | 0.00         |              | 6.00                 | 5.25              | 4.00               | 13.00          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 447 | 050003 | PHẠM ĐĂNG KHÁNH    | AN        | Nam        | 09/11/2009            | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Lê Quý Đôn        | 6.55           | 0.00         |              | 5.25                 | 5.25              | 5.25               | 12.99          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 448 | 120577 | TRƯƠNG THANH TRUNG | Nam       | 30/4/2009  | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Lê Quý Đôn        | THPT Nguyễn Trung Trực | 6.55           | 0.00         |              | 4.25                 | 7.50              | 4.00               | 12.99          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 449 | 100372 | ĐÀO NGUYỄN HOÀNG   | PHÚ       | Nam        | 07/10/2009            | THPT Nguyễn Chí Thanh  | THPT Nguyễn Trung Trực | 7.10           | 0.00         |              | 5.00                 | 4.50              | 6.00               | 12.98          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |
| 450 | 110380 | HUYNH NHÃ PHƯƠNG   | Nữ        | 26/07/2009 | THPT Nguyễn Chí Thanh | THPT Nguyễn Trung Trực |                        | 8.25           | 0.00         |              | 4.50                 | 5.00              | 5.50               | 12.98          | NV1            | THPT Nguyễn Chí Thanh  |

Danh sách này có 450 thí sinh trúng tuyển vào lớp 10.

Tây Ninh, ngày 11 tháng 7 năm 2024  
PHÊ DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Nguyễn Văn Phước



Huỳnh Thị Tuyết Loan